

# PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ SAU KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH

Phạm Xuân Kiên\*

*Phân tích tình hình tài chính (THTC) đã trở nên gần gũi và phổ biến hơn ở Việt Nam nhờ quá trình hội nhập. Tuy vậy, công việc này là điều khá mới mẻ nên nhiều doanh nghiệp (DN) vẫn gặp khó khăn. Điều này khiến cho việc phân tích THTC của DN chưa được thực hiện trên cơ sở khoa học nên không phản ánh chính xác được hiệu quả kinh doanh của DN; trong đó các DN giao thông đường bộ (GTĐB) cũng không phải là một ngoại lệ. Qua việc khảo sát thực tế hệ thống cơ sở dữ liệu tài chính của các DN GTĐB, tác giả phát hiện việc phân tích THTC và cách thức trình bày báo cáo thường niên của các DN trong lĩnh vực này còn có những điểm cần phải xem xét, nhất là sau thời kỳ khủng hoảng tài chính. Do đó, bài viết này sẽ đi vào phân tích THTC và đưa ra kiến nghị về bổ sung cách thức trình bày báo cáo thường niên của DN GTĐB có cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán.*

**Từ khóa:** báo cáo thường niên, doanh nghiệp, đánh giá khái quát, giao thông đường bộ, phân tích tình hình tài chính

## 1. Đặt vấn đề

Phân tích THTC là một trong những kênh thông tin quan trọng để cung cấp thông tin về thực trạng tài chính của DN, giúp người sử dụng đưa ra các quyết định kinh tế, nhằm phục vụ việc quản lý tài chính nói riêng và nâng cao hiệu quả kinh doanh nói chung. Nền kinh tế nước ta đã và đang chuyển dần theo hướng đa dạng hoá các hình thức sở hữu trong nền kinh tế thị trường có định hướng. Bên cạnh đó, việc trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới đồng nghĩa với việc gia nhập nền kinh tế khu vực và thế giới khiến đối tượng sử dụng thông tin của DN đang dần tăng lên. Không chỉ dừng ở cơ quan thuế, mà bây giờ các nhà đầu tư, những cổ đông, nhà quản lý, những trung gian tài chính, các hãng bảo hiểm... ngày càng quan tâm hơn đến THTC của DN. Bởi vậy, cần phải phân tích THTC để đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của DN nhất là trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung vừa thoát ra cuộc khủng hoảng tài chính. Trong hai năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam đang phải chứng kiến tình

trạng phá sản hàng loạt của hàng trăm nghìn DN. Theo Hồ Hoàng (2013) đã chỉ ra rằng "...doanh nghiệp ngừng hoạt động trong 2 năm 2011-2012 khoảng hơn 107.000, bằng con số ngừng hoạt động của cả 12 năm trước, số còn hoạt động cũng giảm mạnh công suất". Ngoài những nguyên nhân khách quan của nền kinh tế thì còn phải kể đến công tác quản lý tài chính của DN đã dẫn đến hậu quả này. Bởi vậy, công tác quản lý tài chính nói chung và trong đó có phân tích THTC nói riêng trở thành vấn đề thiết thực và hữu ích đối với chính các DN.

Bài viết được thực hiện trên cơ sở khảo sát thực tế hệ thống cơ sở dữ liệu tài chính của các DN GTĐB có cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán và đã phát hiện việc phân tích THTC cũng như cách thức trình bày báo cáo thường niên của các DN còn có những điểm cần phải hoàn thiện, nhất là sau thời kỳ khủng hoảng tài chính. Do đó, bài viết sẽ đi vào phân tích THTC và đưa ra kiến nghị về bổ sung cách thức trình bày báo cáo thường niên của những DN GTĐB này.

## 2. Cơ sở lý luận phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp

### 2.1. Tài chính doanh nghiệp

Tài chính DN là hệ thống các quan hệ kinh tế tài chính và luồng chuyển dịch dưới hình thái giá trị của các nguồn lực tài chính phát sinh trong quá trình tìm kiếm, huy động, phân phối và sử dụng các quỹ tiền tệ hoặc vốn trong quá trình hoạt động của DN nhằm đạt được các mục tiêu đề ra (Vũ Duy Hào và Lưu Thị Hương, 2007).

Nhắc đến tài chính DN không thể không đề cập đến các quan hệ tài chính DN (Vũ Duy Hào và Lưu Thị Hương, 2007). Đây chính là những mối quan hệ của DN khi tiến hành hoạt động SXKD và có thể được chia thành hai nhóm chính như sau:

- *Quan hệ tài chính của DN với những đối tác bên ngoài:* Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, mỗi DN tồn tại và phát triển cần phải có những mối quan hệ với các đối tác. Nói cách khác, những mối quan hệ này tồn tại một cách khách quan khiến các DN không thể tiến hành hoạt động SXKD mà không phát sinh các mối quan hệ này. Các mối quan hệ đó gồm: quan hệ giữa DN với Nhà nước, quan hệ giữa DN với thị trường tài chính và quan hệ giữa DN và các thị trường khác.

- *Quan hệ tài chính của DN với những bộ phận trong nội bộ DN:* Đây là những mối quan hệ diễn ra bên trong của một DN, bao gồm: giữa chủ sở hữu của DN và người quản lý DN, giữa người sử dụng lao động và người lao động, giữa các phòng ban chức năng, các bộ phận sản xuất,... Những mối quan hệ này được thể hiện thông qua các chính sách, quy định và quy chế của DN.

### 2.2. Phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp

Phân tích THPTC DN là việc sử dụng các phương pháp kỹ thuật thích hợp dựa chủ yếu vào thông tin tài chính của DN giúp người quan tâm hiểu được thực trạng THPTC của DN cũng như hoạt động SXKD, từ đó đưa ra quyết định đúng đắn và thoả mãn được lợi ích của chính những đối tượng quan tâm này.

Vì vậy, phân tích THPTC là một trong những kênh quan trọng để cung cấp thông tin chính xác, trung thực và kịp thời giúp những người sử dụng thông tin đánh giá sức mạnh tài chính, khả năng hoạt động cũng như dự đoán về tương lai phát triển của DN.

Đây chính là mối quan tâm của nhiều nhóm người có lợi ích khác nhau (hay người sử dụng thông tin) và có thể chia ra thành hai nhóm chính (Nguyễn Năng Phúc, 2008):

- *Những người sử dụng thông tin bên trong DN,* bao gồm: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các phòng/ban quản lý, các cổ đông, người lao động...;

- *Những người sử dụng thông tin bên ngoài DN,* bao gồm: các nhà cung cấp vật tư, những trung gian tài chính, nhà đầu tư, các cơ quan chức năng của nhà nước như: cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan kiểm toán...

Qua đây, ta có thể thấy nhu cầu sử dụng và khai thác thông tin của từng đối tượng sử dụng thông tin đối với thực trạng “bức tranh tài chính” ở DN rất khác nhau cho dù cùng là người ở bên trong hay bên ngoài DN vì nhu cầu của những đối tượng này hoàn toàn khác biệt và đa dạng.

### 2.3. Nội dung phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp

Có nhiều quan điểm về nội dung phân tích THPTC DN được thể hiện ở nhiều công trình khoa học khác nhau nhưng tựu trung, có thể rút ra những nội dung chính bao gồm: Đánh giá khái quát THPTC, Phân tích cấu trúc tài chính, Phân tích tình hình đảm bảo vốn kinh doanh, Phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán và Phân tích hiệu quả kinh doanh. (Nguyễn Tấn Bình, 2005), (Nguyễn Năng Phúc, 2008), (Nguyễn Ngọc Quang, 2011).

Tuy nhiên, trong khuôn khổ có hạn, bài viết này sẽ đề cập tới một nội dung cơ bản và tổng quát nhất trong phân tích THPTC, đó là **đánh giá khái quát tình hình tài chính**. Đây chính là một nội dung mà hầu hết các đối tượng sử dụng thông tin đều quan tâm vì cho biết được sơ bộ tình hình hoạt động sản xuất của DN thông qua thực trạng “bức tranh tài chính”.

Đánh giá khái quát THPTC nhằm đưa ra những nhận định sơ bộ ban đầu, những nhận xét có tính chung nhất về THPTC của DN có lành mạnh hay không, giúp cho người sử dụng thông tin có cái nhìn chính xác về thực trạng tài chính cùng những thuận lợi và khó khăn mà DN đang gặp phải, qua đó đưa ra các quyết định phù hợp với tình hình hiện tại và cả định hướng trong tương lai của DN. Với mục đích đánh giá khái quát THPTC, việc phân tích tập

trung vào một số chỉ tiêu mang tính tổng hợp, khái quát về những nét chung nhất của DN bao gồm bốn nội dung cơ bản sau (Nguyễn Năng Phúc, 2008):

- Đánh giá khái quát tình hình huy động vốn;
- Đánh giá khái quát mức độ độc lập tài chính;
- Đánh giá khái quát khả năng thanh toán;
- Đánh giá khái quát khả năng sinh lợi.

### 2.3.1. Đánh giá khái quát tình hình huy động vốn

Ở nội dung này, người sử dụng thông tin sẽ biết được tình hình huy động nguồn vốn phục vụ cho hoạt động của DN như thế nào, quy mô lớn hay nhỏ, có phù hợp với đặc điểm ngành nghề hay lĩnh vực kinh doanh cũng như sự biến động của nguồn vốn có tương ứng với chu kỳ kinh doanh của DN hay không. Để tài trợ cho hoạt động SXKD, trước hết DN phải xác định nhu cầu rồi tìm kiếm và huy động các nguồn vốn để đầu tư vào những loại tài sản khác nhau, bao gồm hai loại chính là tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn. Trong quá trình hoạt động, nguồn vốn của DN có sự thay đổi do nhiều nguyên nhân khác nhau. Khi đó, nhà phân tích phải xem xét đến việc biến động cụ thể của vốn chủ sở hữu (VCSH) cũng như nợ phải trả. Nói cách khác, các chỉ tiêu cần xem xét là:

- Tổng số nguồn vốn;
- Tổng số VCSH;
- Tổng số nợ phải trả.

Sử dụng các chỉ tiêu phản ánh khái quát tình hình huy động vốn còn giúp nhà phân tích xác định được tính hợp lý trong chính sách huy động các nguồn vốn của DN vào những thời điểm nhất định.

### 2.3.2. Đánh giá khái quát mức độ độc lập về tài chính

Đánh giá khái quát về mức độ độc lập (hay tự chủ) về tài chính đề cập đến quy mô lượng VCSH của DN hay số tiền mà chủ sở hữu của DN đã thực sự bỏ ra. Lượng VCSH này càng nhiều (trong tổng nguồn vốn) thì mức độ độc lập về tài chính của DN càng cao và ngược lại. Mức độ độc lập về tài chính của DN có thể được xem xét ở các góc độ khác nhau nhưng các chỉ tiêu sau được sử dụng tương đối rộng rãi, đó là: Hệ số tự tài trợ (VCSH/Tổng nguồn vốn), Hệ số tự tài trợ tài sản dài hạn- TSDH (VCSH/TSDH) và Hệ số tự tài trợ tài sản cố định - TSCĐ (VCSH/TSCĐ với TSCĐ được tính theo Giá

trị còn lại = Nguyên giá - Giá trị hao mòn lũy kế).

### 2.3.3. Đánh giá khái quát khả năng thanh toán

Một DN dù cho hoạt động có lãi hay kinh doanh có hiệu quả nhưng lại không có khả năng trả nợ thì cũng rất khó tiếp tục hoạt động được lâu dài. Ngược lại, một DN chỉ làm ăn đủ hòa vốn (thậm chí đôi khi lỗ) nhưng lại có khả năng thanh toán dồi dào sẽ thu hút được sự quan tâm nhiều hơn của những đối tác bên ngoài (các trung gian tài chính, nhà cung cấp vật tư...) và đảm bảo cho DN hoạt động được liên tục. Khi đánh giá khái quát khả năng thanh toán, có ba chỉ tiêu được xem xét là: Hệ số thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Nợ phải trả), Hệ số thanh toán nhanh [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn] và Hệ số thanh toán ngay (Tiền và các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn).

### 2.3.4. Đánh giá khái quát khả năng sinh lợi

Có thể nói, đây chính là nội dung quan trọng bậc nhất đối với tất cả các đối tượng quan tâm đến DN. Vì khả năng sinh lợi cao thể hiện trình độ quản lý hiệu quả đối với DN cũng như việc sử dụng tối đa mọi nguồn lực trong kinh doanh nhằm tạo ra lợi nhuận cao. Đây là một nội dung sống còn với DN, đảm bảo một trong những nguyên tắc cơ bản trong kinh doanh, đó là “bảo toàn và phát triển vốn”. Điều này ngụ ý rằng, khi DN hoạt động có lãi thì số lãi này sẽ được sử dụng để tái đầu tư, tức là mở rộng hoạt động kinh doanh về cả chiều rộng và chiều sâu. Đánh giá khái quát khả năng sinh lợi được xem xét với ba chỉ tiêu là: Sức sinh lợi của doanh thu thuần-ROS (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần), Sức sinh lợi của tài sản - ROA (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân) và Sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu - ROE (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân).

Sau khi tính toán các chỉ tiêu (thuộc bốn nội dung đánh giá), nhà phân tích sử dụng phương pháp so sánh để xem xét sự thay đổi về quy mô và tốc độ (được thể hiện ở cột 3 và cột 4 của Bảng 1) của những chỉ tiêu phân tích kể trên giữa hai thời điểm (hay thời kỳ); hay so sánh với số trung bình của ngành hoặc những doanh nghiệp khác (doanh nghiệp điển hình hay tiên tiến...) cùng ngành. Bảng 1 còn giúp người sử dụng thông tin thấy được xu hướng biến động cũng như tìm ra nguyên nhân tương ứng để đề xuất các biện pháp phù hợp nhằm cải thiện THTC của DN.

**Bảng 1. Đánh giá khái quát tình hình tài chính**

Chỉ tiêu	Kỳ gốc	Kỳ phân tích	Chênh lệch giữa 2 kỳ	
			+/-	%
	(1)	(2)	(3=2-1)	[4=(3/1)*100]
<b>A. Đánh giá khái quát tình hình huy động vốn</b>				
1. Tổng nguồn vốn (đồng)				
2. Nợ phải trả (đồng)				
3. Vốn chủ sở hữu (đồng)				
<b>B. Đánh giá khái quát khả năng độc lập tài chính</b>				
1. Hệ số tự tài trợ (lần)				
2. Hệ số tự tài trợ TSDH (lần)				
3. Hệ số tự tài trợ TSCĐ (lần)				
<b>C. Đánh giá khái quát khả năng thanh toán</b>				
1. Hệ số thanh toán tổng quát (lần)				
2. Hệ số thanh toán nhanh (lần)				
3. Hệ số thanh toán ngay (lần)				
<b>D. Đánh giá khái quát khả năng sinh lợi</b>				
1. Tỷ suất sinh lợi của doanh thu - ROS (%)				
2. Tỷ suất sinh lợi của tài sản - ROA (%)				
3. Tỷ suất sinh lợi của VCSH - ROE (%)				

(Nguồn: Tác giả đề xuất theo quan điểm cá nhân)

### 3. Phân tích tình hình tài chính các doanh nghiệp giao thông đường bộ sau khủng hoảng tài chính

Hiện nay, các DN nói chung và DN GTĐB nói riêng khi tham gia thị trường chứng khoán (có cổ phiếu được niêm yết) đều phải thực hiện công khai về các báo cáo tài chính (đã được kiểm toán) cùng với báo cáo thường niên để giúp các đối tượng sử dụng thông tin có cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc phân tích và ra quyết định để đáp ứng nhu cầu. Tuy nhiên, theo khảo sát của tác giả, hầu hết ở báo cáo thường niên của những DN GTĐB, khi trình bày về phân tích THPTC nói chung và các chỉ tiêu tài chính nói riêng đều khá sơ sài và rời rạc. Cụ thể là có những chỉ tiêu còn sai về tên gọi (VD: Tài sản lưu động là một khái niệm không còn được sử dụng trong kế toán và tài chính), nhầm lẫn về công thức tính (khi không tuân thủ đúng theo quy định của Bộ Tài chính) lẫn đơn vị tính [chỉ tiêu có tên gọi là Hệ số nhưng đơn vị tính lại là phần trăm (%)]; và còn xảy ra việc lấy số liệu chưa chính xác cho dù công thức sử dụng là đúng. Không chỉ dừng lại ở đó,

những chỉ tiêu này chưa được sắp xếp theo từng nhóm với trật tự lô gíc. Hơn nữa, việc trình bày này mới chỉ dừng ở việc đưa ra số liệu của các chỉ tiêu giữa hai thời điểm (hoặc thời kỳ) chứ chưa thực hiện việc so sánh để xem xét quy mô và tốc độ thay đổi của các chỉ tiêu qua thời gian. Điều này dẫn đến hậu quả không thể giúp người quan tâm có sự đánh giá, nhận xét sơ bộ về THPTC của DN một cách chính xác. Bởi vậy, để giúp các đối tượng quan tâm có cái nhìn tổng quan về THPTC, bài viết kiến nghị các DN GTĐB nên bổ sung vào báo cáo thường niên việc đánh giá khái quát THPTC với những nội dung, phương pháp và trình tự phân tích cụ thể như sau (lấy ví dụ với công ty cổ phần MCO Việt Nam).

Qua khảo sát báo cáo tài chính và báo cáo thường niên của công ty cổ phần MCO Việt Nam, (*Báo cáo thường niên công ty cổ phần MCO Việt Nam năm 2012, 2013*), (*Báo cáo tài chính công ty cổ phần MCO Việt Nam năm 2012 đã kiểm toán 2013*), bài viết tiến hành đánh giá khái quát THPTC của DN này trong năm 2012 so với năm 2011 (Bảng 2).

**Bảng 2. Đánh giá khái quát tình hình tài chính công ty cổ phần MCO Việt Nam**

Chỉ tiêu	Năm	Năm	Chênh lệch	
	2011	2012	+/-	%
	(1)	(2)	(3=2-1)	[4=(3/1)*100]
<b>A. Đánh giá khái quát tình hình huy động</b>				
1. Tổng nguồn vốn (triệu đồng)	309.401	279.824	-29.577	-9,56
2. Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	50.490	51.304	814	1,61
3. Nợ phải trả (triệu đồng)	258.911	228.520	-30.391	-11,74
<b>B. Đánh giá khái quát khả năng độc lập tài</b>				
1. Hệ số tự tài trợ (lần)	0,16	0,18	0,02	12,5
2. Hệ số tự tài trợ TSDH (lần)	0,88	1,32	0,44	50
3. Hệ số tự tài trợ TSCĐ (lần)	1,03	1,94	0,91	83,49
<b>C. Đánh giá khái quát khả năng thanh toán</b>				
1. Hệ số thanh toán tổng quát (lần)	1,195	1,225	0,03	2,51
2. Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,57	0,46	-0,11	-19,3
3. Hệ số thanh toán ngay (lần)	0,014	0,01	-0,004	-28,57
<b>D. Đánh giá khái quát khả năng sinh lợi</b>				
1. ROS (%)	0,12	0,92	0,8	-
2. ROA (%)	0,06	0,28	0,22	-
3. ROE (%)	0,36	1,60	1,24	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính của công ty MCO năm 2012 sau khi tác giả đã tính toán lại)

Qua Bảng 2, ta thấy tình hình huy động vốn năm 2012 của công ty MCO đã giảm khá mạnh so với năm 2011, với mức giảm hơn 29 nghìn triệu đồng, tương ứng với tốc độ giảm gần 10%. Trong đó, nợ phải trả có quy mô lần tốc độ giảm lớn hơn, ở mức hơn 30 nghìn triệu đồng, tương đương mức giảm hơn 11%. Điều này cho thấy DN đã trả bớt nợ vay trong năm tài chính 2012. Trong khi đó, ngược lại, lượng VCSH lại tăng 814 triệu đồng, tương ứng với tốc độ tăng hơn 1,6% (chủ yếu là do sự gia tăng của lợi nhuận chưa phân phối).

Chính vì lượng VCSH được gia tăng nên đã cải thiện đáng kể khả năng độc lập tài chính. Điều này được thể hiện ở mức tăng của cả ba chỉ tiêu phản ánh lĩnh vực này với mức tăng mạnh nhất hơn 83% của hệ số tự tài trợ TSCĐ và mức tăng nhỏ nhất của hệ số tự tài trợ ở mức 12,5%.

Vì đã trả bớt các khoản công nợ nên hệ số thanh toán tổng quát đã tăng rất nhẹ 0,03 lần, tương ứng với tốc độ tăng 2,51%. Nhưng trong khi đó, cả hai chỉ tiêu hệ số thanh toán nhanh và hệ số thanh toán ngay lại giảm quá mạnh, lần lượt ở mức hơn 19% và

hơn 28%. Đây là hai hệ số phản ánh khả năng thanh toán trong ngắn hạn nên nếu DN tiếp tục duy trì xu hướng giảm này sẽ gây khó khăn cho THPT cũng như hoạt động SXKD của đơn vị trong thời gian tiếp theo.

Cả ba chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời trong năm 2012 đều đã tăng lên, với mức tăng thấp nhất của chỉ tiêu ROA ở mức 0,28% và cao nhất của chỉ tiêu ROE ở mức 1,24%. Tuy sự biến động này đều quá nhỏ so với năm 2011 nhưng với thực trạng những năm kinh tế khó khăn vừa qua thì đây cũng là một tín hiệu tích cực và đáng khích lệ đối với công ty cổ phần MCO Việt Nam.

Tóm lại, qua bốn nội dung đánh giá khái quát, ta có thể thấy THPT của công ty cổ phần MCO Việt Nam năm 2012 có phần “sáng sủa” hơn so với năm 2011 vì được thể hiện ở chỗ mức độ độc lập tài chính lần khả năng sinh lời đã được cải thiện nhất định (tuy chưa nhiều). Tình hình huy động vốn của DN tuy đã giảm đi nhưng phần lớn nguyên nhân do điều kiện bất lợi khách quan đem lại, cụ thể là nền kinh tế vĩ mô có tốc độ phát triển chậm lại khiến đa

phần các DN phải giảm công suất và quy mô hoạt động. Bên cạnh đó, DN cần chú ý nâng cao khả năng thanh toán trong ngắn hạn (thông qua hệ số thanh toán nhanh và hệ số thanh toán ngay), để cải thiện hơn nữa THTC trong thời gian tiếp theo.

#### 4. Kết luận

Dù mới chỉ dừng ở việc đánh giá khái quát THTC, là một trong những nội dung cơ bản của phân tích THTC, nhưng bài viết đã phản ánh được tổng quan về thực trạng “bức tranh tài chính” của công ty cổ phần MCO Việt Nam trong năm 2012 so với năm 2011; giúp những người quan tâm có được thông tin tổng quát nhất về hiệu quả hoạt động

SXKD của đơn vị để từ đó đưa ra các quyết định đáp ứng lợi ích của chính những đối tượng này. Không chỉ dừng ở đó, bài viết đã đưa ra được kiến nghị với các DN GTĐB khi công bố báo cáo thường niên nên bổ sung thêm nội dung đánh giá khái quát THTC như một phần bắt buộc thông qua nội dung, hệ thống chỉ tiêu và phương pháp phù hợp như đã trình bày ở trên. Việc làm này không chỉ giúp những người sử dụng thông tin hiểu thêm được về sức mạnh tài chính của DN mà còn giúp chính DN ngày càng hoàn thiện hơn trong việc nâng cao chất lượng thông tin tài chính công bố nói riêng và hiệu quả hoạt động SXKD nói chung. □

#### Tài liệu tham khảo:

Nguyễn Tấn Bình (2005), *Phân tích hoạt động doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

*Báo cáo thường niên công ty cổ phần MCO Việt Nam năm 2012* (2013), truy cập ngày 19 tháng 7 năm 2013, từ <<http://www.mco.com.vn/chi-tiet-bai-viet/149/661/bao-cao-thuong-nien-nam-2012.html>>.

*Báo cáo tài chính công ty cổ phần MCO Việt Nam năm 2012 đã kiểm toán* (2013), truy cập ngày 19 tháng 7 năm 2013, từ <<http://www.mco.com.vn/chi-tiet-bai-viet/149/660/bao-cao-tai-chinh-nam-2012-da-kiem-toan.html>>.

Vũ Duy Hào và Lư Thị Hương (2007), *Tài chính doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

Hồ Hoàng (2013), *Số doanh nghiệp giải thể năm 2012 cao kỷ lục*, truy cập ngày 19 tháng 7 năm 2013, từ <<http://ddd.com.vn/20130322034549828cat232/so-doanh-nghiep-giai-the-nam-2012-cao-ky-luc.htm>>.

Nguyễn Năng Phúc (chủ biên.) 2008, *Giáo trình Phân tích báo cáo tài chính*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

Nguyễn Ngọc Quang (2011), *Phân tích báo cáo tài chính*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.

#### Analyzing the financial situation of road transportation enterprise after financial crisis

##### Abstract:

*Thanks to the integration process, financial situation analysis has become more popular in Vietnam. However, this task is relatively new so many enterprises are struggling. Thus, financial situation analysis hasn't been implemented on the scientific base which leads to unprecise reflection of enterprise's business performance; road transportation enterprises are not exceptional. By doing a survey on financial data base of road transportation enterprises, the author finds that the financial situation analysis and the presentation of annual report in these enterprises need to be considered, especially after the financial crisis. This paper focuses on analysing financial situation and provides recommendations for the presentation of annual report of the road transportation enterprises listed in the stock market.*

---

#### Thông tin tác giả:

\***Phạm Xuân Kiên**, Tiến sĩ

- Nơi công tác: Bộ môn Kế toán tài chính, Viện Kế toán - Kiểm toán, trường Đại học Kinh tế Quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Phân tích hoạt động kinh doanh và Phân tích tài chính

- Tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Kinh tế Phát triển

Email: [kienpx@neu.edu.vn](mailto:kienpx@neu.edu.vn)